

Số: /KH-ĐGS

Bắc Kạn, ngày tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT CHI TIẾT
Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh về việc thành lập đoàn giám sát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh, Đoàn giám sát xây dựng Kế hoạch giám sát chi tiết, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan, qua đó kiến nghị giải pháp nhằm khắc phục hạn chế, bất cập trong giai đoạn tiếp theo, đồng thời đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Yêu cầu:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo, chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu, số liệu, gửi báo cáo cho Đoàn giám sát đúng thời gian quy định.

- Đoàn giám sát đánh giá trung thực, khách quan, đúng quy định của pháp luật, tổng hợp báo cáo kết quả giám sát trình Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp tháng 11 năm 2020; tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh về chuyên đề giám sát (nếu cần thiết) trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2020.

II. PHẠM VI

Giám sát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh (từ năm 2016 đến ngày 30/7/2020).

III. ĐỐI TƯỢNG

1. Giám sát trực tiếp

- Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường.

- UBND các huyện: Ba Bể, Bạch Thông, Na Rì, Chợ Đồn và Thành phố Bắc Kạn.

- UBND một số xã: Địa Linh, Đông Phúc (*huyện Ba Bể*); Nguyên Phúc, Lục Bình (*huyện Bạch Thông*); Phương Viên, Yên Thịnh (*huyện Chợ Đồn*); Văn Minh, Kim Lư (*huyện Na Rì*); Nông Thượng, Dương Quang (*thành phố Bắc Kạn*).

2. Giám sát gián tiếp

- Các Sở: Xây dựng; Công Thương, Giao thông Vận tải; Văn hóa Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Khoa học và Công nghệ; Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ban Thi đua khen thưởng tỉnh.

- UBND các huyện: Chợ Mới, Ngân Sơn, Pác Nặm.

IV. NỘI DUNG

1. UBND tỉnh, huyện, thành phố: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 01.
2. Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 02.
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 03.
4. Sở Tài chính: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 04.
5. Sở Nông nghiệp và PTNT: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 05.
6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 06.
7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 07.
8. Các Sở, ngành của tỉnh: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 08.
9. UBND các xã: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 09.

V. THÀNH PHẦN

1. Đoàn giám sát: Chia thành 02 Tổ

1.1. Tổ giám sát số 01

- Bà Phương Thị Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn giám sát, Tổ trưởng.

- Bà Trần Thị Lộc, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kiêm Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, Tổ phó.

- Ông Lý Quang Vịnh, Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy kiêm Trưởng Ban Dân tộc HĐND tỉnh, thành viên.

- Bà Đồng Thị Vân Thoa, Phó Trưởng ban chuyên trách Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, thành viên.

- Ông Trịnh Tiến Dũng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Ủy viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, thành viên.

1.2. Tổ giám sát số 02

- Bà Hoàng Thu Trang, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn giám sát, Tổ trưởng.

- Ông Ma Từ Đông Điền, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh, Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, Tổ phó.

- Ông Nguyễn Ngọc Sơn, Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh, thành viên.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, Phó Trưởng ban chuyên trách Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, thành viên.

- Ông Hoàng Văn Vĩnh, Phó Trưởng ban chuyên trách Ban Dân tộc HĐND tỉnh, thành viên.

1.3. Đại biểu mời tham gia Đoàn giám sát

Mời Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh.

2. Thư ký Đoàn giám sát

- Ông Hoàng Văn Hùng, Chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

- Ông Mai Việt Hòa, Chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

3. Đối tượng giám sát

- Đối với UBND tỉnh: Đại diện Lãnh đạo UBND tỉnh; Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh do UBND tỉnh mời.

- Đối với các sở, ban, ngành của tỉnh: Thủ trưởng và cán bộ chuyên môn do cơ quan phân công.

- Đối với UBND các huyện: Đại diện Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND, các thành viên Ban Chỉ đạo huyện và đại diện Ban Quản lý Chương trình MTQG một số xã do UBND huyện mời (*trừ các xã Đoàn đã giám sát trực tiếp*).

- Tại UBND các xã: Đại diện Thường trực HĐND, Trưởng Ban và các thành viên Ban Quản lý Chương trình MTQG do UBND xã mời.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIÁM SÁT

Thời gian giám sát xong trước ngày 10/10/2020.

(*Lịch làm việc cụ thể Đoàn giám sát sẽ thông báo sau*).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng giám sát: Chỉ đạo xây dựng báo cáo, gửi về Đoàn giám sát qua Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và

UBND tỉnh đồng thời gửi kèm bản điện tử vào rmail: hunghv@backan.gov.vn chậm nhất ngày **21/9/2020**.

2. Các thành viên Đoàn giám sát chủ động nghiên cứu tài liệu, báo cáo của các đơn vị thuộc đối tượng giám sát; tham gia ý kiến khi giám sát trực tiếp tại một số địa phương, đơn vị; góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện báo cáo giám sát theo yêu cầu đề ra.


(Thông tin liên hệ ông Hoàng Văn Hùng, Chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, điện thoại: 3811.755; 0942.420.523)/.

Nơi nhận: 

Gửi bản giấy và bản điện tử:

- TT.HĐND tỉnh;
- Các thành viên Đoàn giám sát;
- UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Các đơn vị thuộc đối tượng GS;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bắc Kạn; Đài PTTH tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Phòng HCTC-QTTV(P/vụ);
- Lưu: VT, HS 

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Phương Thị Thanh**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI UBND TỈNH, HUYỆN
(*Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát*)

I. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.
2. Các tiêu chí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt được đến năm 2015.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện

1. Đánh giá công tác chỉ đạo huy động nguồn lực thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
2. Công tác chỉ đạo xây dựng và điều chỉnh kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh và của các ngành, địa phương hàng năm và cả giai đoạn (*thống kê số sở, ngành, UBND cấp huyện không có kế hoạch giai đoạn*); tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
3. Đánh giá hoạt động của bộ máy giúp việc thực hiện chương trình, việc kiện toàn và thực hiện quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, hoạt động phối hợp giữa các thành viên BCD và các địa phương trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
4. Đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
5. Việc ban hành các chính sách riêng của địa phương, đánh giá sự phù hợp và hiệu quả thực tế.
6. Đánh giá công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
7. Hoạt động đánh giá định kỳ, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).

III. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

1. Công tác quản lý, phân bổ, huy động, lồng ghép, sử dụng vốn.
 - a) Vốn ngân sách nhà nước
(*Báo cáo theo Biểu số 01 đính kèm*)
 - b) Vốn huy động đóng góp
(*Báo cáo theo Biểu số 02 đính kèm*)
 - c) Vốn lồng ghép (*nếu có*)
(*Báo cáo theo Biểu số 03 đính kèm*)

2. Kết quả hoạt động giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị đối với các xã khó khăn xây dựng nông thôn mới theo phân công của Tỉnh ủy; tồn tại, hạn chế (nếu có).

3. Kết quả cụ thể:

So sánh tăng, giảm với kế hoạch đề ra, đối với tiêu chí không đạt cần phân tích nguyên nhân, khó khăn, hạn chế (nếu có).

(UBND tỉnh tổng hợp số liệu theo Biểu số 04; UBND huyện tổng hợp số liệu theo Biểu số 05 đính kèm)

4. Đánh giá việc xây dựng mục tiêu, sự phù hợp của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đã ban hành? vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện (nếu có).

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm.

2. Tồn tại, hạn chế.

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

V. Đề xuất, kiến nghị./.

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

1. Công tác tham mưu: Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình theo giai đoạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách giai đoạn và hàng năm theo phân công của UBND tỉnh; lồng ghép các dự án ODA với CTMTQG xây dựng nông thôn mới. Tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế làm việc.

2. Công tác chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra các nội dung về:

- Đề xuất cơ chế, chính sách và các cơ chế phối hợp để tổ chức thực hiện Chương trình.

- Thông tin truyền thông về xây dựng nông thôn mới, công tác tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

- Theo dõi, tổng hợp, đôn đốc tiến độ triển khai của các thành viên BCD.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình theo quy định.

- Quản lý, sử dụng kinh phí được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới *(theo mẫu biểu số 08, nếu có)*.

3. Công tác phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

5. Đề xuất, kiến nghị của đơn vị *(nếu có)*./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

1. Công tác tham mưu trong việc phân bổ, điều chỉnh, lồng ghép vốn đầu tư thực hiện chương trình MTQG XDNTM

(Tổng hợp số liệu theo biểu số 06 đính kèm)

2. Công tác chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra các nội dung về:

- Lập và thực hiện kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tổng hợp danh mục đầu tư giai đoạn và hàng năm.

- Lập kế hoạch giai đoạn, lộ trình hàng năm và hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, đánh giá tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất theo phân công của UBND tỉnh.

- Quản lý, sử dụng kinh phí được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới *(theo biểu số 08, nếu có)*.

- Kết quả thực hiện các tiêu chí theo phân công phụ trách, so sánh với kế hoạch đề ra, phân tích nguyên nhân chưa đạt *(nếu có)*.

3. Công tác phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công

4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

5. Đề xuất, kiến nghị của đơn vị *(nếu có)*.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

1. Công tác tham mưu tham mưu ban hành cơ chế chính sách, tạo nguồn ngân sách để thực hiện Chương trình; phân bổ, điều chỉnh vốn sự nghiệp thuộc Chương trình theo giai đoạn và hằng năm để thực hiện Chương trình

(Tổng hợp theo Biểu số 07 kèm theo)

2. Công tác chủ trì, hướng dẫn các nội dung về:

- Lập dự toán, sử dụng vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình.
- Theo dõi, tổng hợp tình hình sử dụng vốn sự nghiệp, vốn huy động và quyết toán vốn đầu tư thuộc Chương trình.

- Quản lý, sử dụng kinh phí được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới *(theo mẫu biểu số 08, nếu có)*.

- Công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình.

3. Công tác phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công

4. Những khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình thực hiện Chương trình.

5. Đề xuất, kiến nghị của đơn vị *(nếu có)*.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Kèm theo Kế hoạch số ~~27~~/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch sản xuất trong đề án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cả tỉnh

2. Công tác chủ trì, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc:

- Lập kế hoạch giai đoạn, lộ trình hàng năm đối với các tiêu chí theo phân công của UBND tỉnh (nội dung số 2 của tiêu chí Quy hoạch, tiêu chí số 3 Thủy lợi).

- Chỉ đạo, phân công các đơn vị chức năng thuộc Sở hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá các mô hình phát triển sản xuất tại các địa phương.

- Quản lý, sử dụng kinh phí được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*theo mẫu biểu số 08, nếu có*).

- Kết quả thực hiện các tiêu chí theo phân công phụ trách, so sánh với kế hoạch đề ra, phân tích nguyên nhân chưa đạt (*nếu có*).

3. Công tác phối hợp với các sở ngành liên quan trong việc:

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công (tiêu chí số 10 (*thu nhập*), tiêu chí số 13 (*tổ chức sản xuất*), tiêu chí số 17 (*môi trường và an toàn thực phẩm*)).

- Phân bổ vốn đầu tư hệ thống thủy lợi nội đồng và vốn phát triển sản xuất giai đoạn 2016-2020 và hàng năm.

4. Những khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình thực hiện Chương trình.

5. Đề xuất, kiến nghị của đơn vị (*nếu có*).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện Chương trình.
2. Công tác chủ trì, hướng dẫn thực hiện
 - Lập kế hoạch giai đoạn, lộ trình hàng năm thực hiện tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm theo phân công của UBND tỉnh.
 - Công tác quản lý, sử dụng kinh phí được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới *(theo mẫu biểu số 08)*.
 - Kết quả thực hiện các tiêu chí theo phân công phụ trách, so sánh với kế hoạch đề ra, phân tích nguyên nhân chưa đạt *(nếu có)*.
3. Công tác phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công.
4. Những khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình thực hiện Chương trình.
5. Đề xuất, kiến nghị của đơn vị *(nếu có)*.

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Kế hoạch số ~~27~~/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

1. Công tác tham mưu chỉ đạo thực hiện Chương trình
2. Công tác chủ trì, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, đánh giá việc:
 - Lập kế hoạch giai đoạn, lộ trình hàng năm đối với tiêu chí số 11 (*hộ nghèo*), tiêu chí số 12 (*lao động có việc làm*) và chỉ tiêu số 13 của tiêu chí số 14 (*giáo dục và đào tạo*).
 - Công tác quản lý, sử dụng kinh phí được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*theo mẫu biểu số 08*).
 - Kết quả thực hiện các tiêu chí theo phân công phụ trách, so sánh với kế hoạch đề ra, phân tích nguyên nhân chưa đạt (*nếu có*).
3. Công tác phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công
4. Những khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình thực hiện Chương trình.
5. Đề xuất, kiến nghị của đơn vị (*nếu có*).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH CỦA TỈNH
(Các Sở: Xây dựng; Công thương; Giao thông Vận tải; Văn hóa, Thể thao và du lịch; Thông tin và Truyền thông; Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh; Liên minh hợp tác xã tỉnh; Ban Thi đua khen thưởng tỉnh)

(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

1. Công tác tham mưu chỉ đạo thực hiện Chương trình thuộc lĩnh vực phân công phụ trách.
2. Công tác chủ trì, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, đánh giá việc:
 - Lập kế hoạch giai đoạn, lộ trình hàng năm thực hiện các tiêu chí/nhiệm vụ được phân công phụ trách.
 - Công tác quản lý, sử dụng kinh phí được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới *(theo mẫu biểu số 08)*.
 - Kết quả thực hiện các tiêu chí theo phân công phụ trách, so sánh với kế hoạch đề ra, phân tích nguyên nhân chưa đạt *(nếu có)*.
3. Công tác phối hợp với các sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công
4. Những khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình thực hiện Chương trình.
5. Đề xuất, kiến nghị của đơn vị *(nếu có)*.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỐI VỚI UBND XÃ

(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-HĐND ngày 04/9/2020 của Đoàn giám sát)

I. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.
2. Các tiêu chí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt được đến năm 2015.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình

1. Công tác xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã.
2. Việc đề xuất xây dựng, ban hành các nghị quyết của HĐND xã liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới.
3. Công tác xây dựng và điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*hàng năm và cả giai đoạn*); tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
4. Đánh giá công tác chỉ đạo huy động nguồn lực thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
5. Đánh giá việc kiện toàn và thực hiện quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, hoạt động phối hợp giữa các thành viên Ban Chỉ đạo trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
6. Đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
7. Đánh giá công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).
8. Công tác phối hợp với Ban Chỉ đạo cấp trên trong quá trình thực hiện Chương trình.
9. Hoạt động đánh giá định kỳ, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình; tồn tại, hạn chế (*nếu có*).

III. Kết quả thực hiện

1. Công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 của xã.

(Tổng hợp theo biểu số 9a, 9b, 9c).

- Khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý, thanh quyết toán sự nghiệp (*lập kế hoạch, giao kế hoạch vốn sự nghiệp, tổ chức thực hiện*); vốn đầu tư (*lập kế hoạch đầu tư; lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán; sử dụng thiết kế mẫu; việc theo dõi, hạch toán nguồn vốn huy động, đóng góp; việc công khai tài chính theo quy định...*).

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã, so sánh với kế hoạch đề ra, lý do chưa đạt so với kế hoạch.

(Tổng hợp theo biểu số 9d)

4. Đánh giá việc xây dựng mục tiêu, sự phù hợp của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đã ban hành? Vướng mắc trong việc thực hiện *(nếu có)*.

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm.
2. Tồn tại, hạn chế.
3. Nguyên nhân *(khách quan, chủ quan)*.

V. Đề xuất, kiến nghị./.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Dùng cho UBND tỉnh, huyện báo cáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn được phân bổ			Đã giải ngân									Chưa giải ngân			
		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Thanh toán			Tạm ứng			Tổng số	NSTW	NSDP	
								Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP				
A	Nguồn vốn cấp trên giao																
B	Nguồn vốn đã giao																
I	Các sở, ngành/phòng, ban																
1																	
2																	
...																	
II	Các huyện, thành phố																
1	Huyện/xã																
a	Vốn sự nghiệp																
b	Vốn đầu tư																
2	Huyện/xã....																
a	Vốn sự nghiệp																
b	Vốn đầu tư																
																
C	Nguồn vốn chưa giao																
	...																

*** Ghi chú:**

- Cấp tỉnh báo cáo số liệu của các sở, ngành và UBND huyện, thành phố
- Cấp huyện báo cáo số liệu của các phòng, ban và UBND các xã

**TỔNG HỢP VỐN HUY ĐỘNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 (Tính đến 30/7/2020)**
(Dùng cho UBND tỉnh, huyện báo cáo)

STT	Huyện, thành phố	Tổng cộng	Tiền mặt (triệu đồng)	Giá trị công lao động (triệu đồng)	Giá trị vật liệu vật liệu (triệu đồng)	Quyền sử dụng đất	
						Diện tích (m ²)	Giá trị (triệu đồng)
I	Đóng góp của nhân dân						
1	Huyện/Xã A						
2	Huyện/Xã B						
	...						
II	Đóng góp của tổ chức						
1	Đơn vị A						
2	Đơn vị B						
						

* Ghi chú:

- Đối với tỉnh báo cáo số liệu các huyện
- Đối với huyện báo cáo số liệu các xã

**TỔNG HỢP VỐN LÔNG GHEP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Tính đến 30/7/2020)**

(Dùng cho UBND tỉnh, huyện báo cáo)

STT	Nguồn vốn	Dự toán	Giá trị quyết toán	Ghi chú <i>(hoàn thành, chưa hoàn thành)</i>
I	Nguồn....			
1	<i>Lĩnh vực Văn hóa</i>			
a	<i>Công trình....</i>			
b			
2	<i>Lĩnh vực Văn hóa</i>			
a	<i>Công trình....</i>			
b			
I	Nguồn....			
1	<i>Lĩnh vực</i>			
a	<i>Công trình....</i>			
b			
2	<i>Lĩnh vực ...</i>			
a	<i>Công trình....</i>			
b			

Biểu số 04

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC KẠN

(Dùng cho UBND tỉnh báo cáo)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch đến năm 2020	Kết quả thực hiện đến 2019	Dự ước hết 2020
A	Bình quân số tiêu chí đạt được /01 xã	Tiêu chí			
B	Số xã đạt chuẩn NTM	Xã	19		
C	Các tiêu chí cụ thể				
I	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (được rà soát, được bổ sung)	Xã			
II	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội				
1	Hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn thôn, xã. Số xã đạt tiêu chí số 02 về giao thông.	Xã	26		
2	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng. Số xã đạt tiêu chí số 03 về thủy lợi	Xã	85		
3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 04 về điện	Xã	102		
4	Xây dựng hoàn chỉnh các công trình đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Hỗ trợ xây dựng trường mầm non cho các xã thuộc vùng khó khăn. Số xã đạt tiêu chí số 05 về trường học	Xã	35		
5	Hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa - thể thao, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản. Số xã đạt tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa	Xã	30		
6	Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân. Số xã đạt đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã	77		
7	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã. Số xã có trạm y tế đạt chuẩn theo quy định	Xã	80		
8	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở. Số xã đạt tiêu chí số 08 về thông tin - truyền thông	Xã	75		
9	Hoàn chỉnh các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân.				

-	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh,	%	95		
+	Tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn của Bộ Y tế	%	50		
+	Trường học (điểm chính) và trạm y tế xã có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	%	100		
10	Tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân chung sức xóa nhà tạm, nhà dột nát; đầu tư xây dựng nhà ở dân cư đạt chuẩn theo quy định. Số xã đạt tiêu chí số 09 về nhà ở dân cư.	Xã	75		
III	Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân				
1	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập.	Xã	30		
2	Số xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm thường xuyên	Xã	110		
3	Số xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất	Xã	53		
IV	Giảm nghèo và an sinh xã hội. Số xã đạt tiêu chí số 11	Xã	38		
V	Phát triển giáo dục ở nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 14	Xã	86		
VI	Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 15	Xã	80		
VII	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 16	Xã	68		
VIII	Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề. Số xã đạt tiêu chí số 17	Xã	28		
IX	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội... Số xã đạt tiêu chí số 18	Xã	82		
X	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 19	Xã	107		
XI	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình				
1	Tỉ lệ đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về chỉ đạo xây dựng NTM	%	70%		
2	Tỉ lệ cán bộ chuyên trách xây dựng NTM các cấp	%	100		
3	Tỉ lệ cán bộ trong hệ thống chính trị được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM	%	70		

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Dùng cho UBND huyện, thành phố báo cáo)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch đến năm 2020	Kết quả thực hiện đến 2019	Dự ước hết 2020
A	Bình quân số tiêu chí đạt được /01 xã	Tiêu chí			
B	Số xã đạt chuẩn NTM	Xã			
C	Các tiêu chí cụ thể				
I	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (được rà soát, được bổ sung)	Xã			
II	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội				
1	...				
2	...				
III	Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân				
1	...				
2	...				
IV	Giảm nghèo và an sinh xã hội. Số xã đạt tiêu chí số 11	Xã			
V	Phát triển giáo dục ở nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 14	Xã			
VI	Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 15	Xã			
VII	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 16	Xã			
VIII	Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề. Số xã đạt tiêu chí số 17	Xã			
IX	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội... Số xã đạt tiêu chí số 18	Xã			

X	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn. Số xã đạt tiêu chí số 19.	Xã			
XI	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình				
1	...				
2	...				

Ghi chú: UBND cấp huyện báo cáo theo các tiêu chí trong Kế hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 của địa phương đã ban hành

Biểu số 06

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Dùng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung đầu tư	Tổng số	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (cân đối ngân sách)	Nguồn khác (lồng ghép)	Ghi chú
1	Lĩnh vực giao thông					
2	Lĩnh vực thủy lợi					
3	Điện nông thôn					
4	Trường học					
5	Cơ sở vật chất văn hóa					
-	Nhà văn hóa xã					
-	Nhà văn hóa thôn					
6	Chợ nông thôn					
7	Trạm y tế					
8	Hạ tầng thông tin, truyền thông					
9	Công trình nước sinh hoạt					
10	Nhà ở dân cư					
11	Vệ sinh môi trường nông thôn, thu gom xử lý nước thải, chất thải ...					
	Tổng cộng					

KINH PHÍ SỬ DỤNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Dùng cho các sở, ngành báo cáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí được giao	Kinh phí đã sử dụng			Kinh phí chưa sử dụng	Ghi chú
			Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
1	Năm 2016						
-							
-							
2	Năm 2017						
-							
-							
	...						
	Tổng cộng						

**TỔNG HỢP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 (Đến 30/7/2020)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn được phân bổ theo giai đoạn	KH vốn đã nhận	KH vốn đã sử dụng			KH vốn hết nhu cầu sử dụng	Ghi chú
				Tổng số	Thanh toán	Tạm ứng		
1	Vốn đầu tư							
a	Ngân sách Trung ương							
b	Ngân sách địa phương							
2	Vốn sự nghiệp							
a	Ngân sách Trung ương							
b	Ngân sách địa phương							
	Tổng cộng							

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020*(Dùng cho UBND xã báo cáo)*

STT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung theo Bộ tiêu chí quốc gia	Tiêu chí đạt được đến năm 2015	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Kết quả thực hiện đến 2019	Dự ước hết 2020
1						
2						
3						
...						